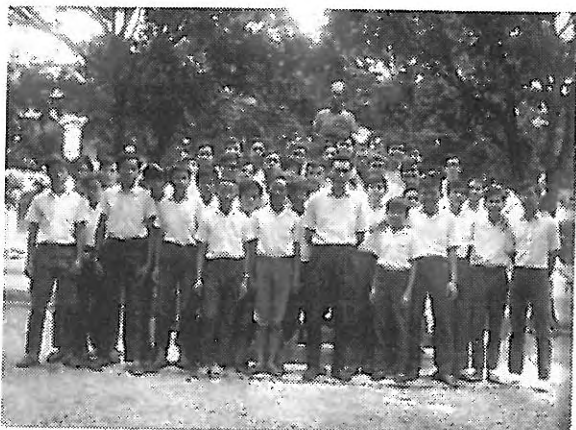


Độc “Bút-Thuật của Nguyễn-Du trong Đoạn-Trường Tân-Thanh” với Tâm Hồn của Một Người Học Toán

Trần Thạnh

Thầy cũ trường xưa

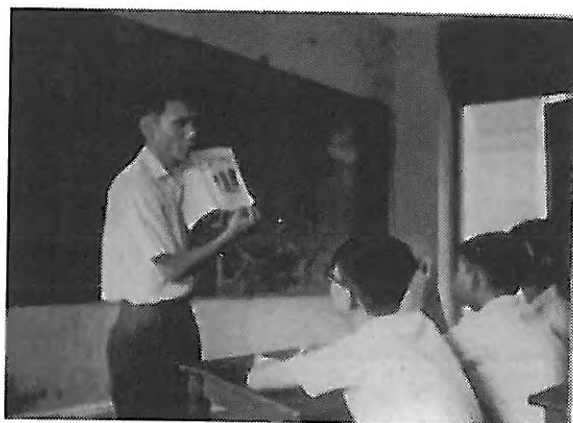
Niên khóa 1971–1972 tôi học Quốc văn (lớp 9) với Thầy Đỗ Quang Vinh. Gần 30 năm sau, khi đám bạn cùng lớp họp lại thành một nhóm trao đổi điện thư để ôn lại kỷ niệm của bảy năm học Petrus Ký, một trong những người thầy chúng tôi nhắc đến nhiều nhất là Thầy Vinh. Những giờ giảng văn của Thầy in sâu vào trí óc chúng tôi, tuy phần lớn chúng tôi sau năm đó đều theo học ban toán (ban B) và hiện nay không ai theo đuổi nghề viết văn.



Hình 1-GS Đỗ Quang Vinh và lớp 9/10 niên khóa 1971-1972

Thầy vào lớp chỉ với vài viên phấn trắng và màu. Với lối giảng đặc biệt, dùng nhiều hình vẽ và các biểu đồ để minh họa, khác hẳn những cách giảng thông thường của các thầy cô khác, Thầy đã thu hút tất cả chúng tôi. Bài giảng của Thầy không bắt đầu bằng một đoạn văn trích hay một bài thơ, theo sau là xuất xứ, đại ý, bố cục, giải thích từ ngữ, giảng giải ý nghĩa của toàn bộ bài văn hay bài thơ, như hay thấy trong các sách giáo khoa ngày trước. Trái lại một đoạn văn dẫn nhập với những lời lẽ khi sắc sảo khi du dương mở đầu bài giảng, để tiếp theo là trích đoạn thơ văn, rồi đến những phân tích sâu sắc, lập luận chặt chẽ, với các phân đoạn A, B, C, I, II, III, 1), 2), 3), a), b), c) ... theo thói quen của Thầy. Điểm đặc biệt

là khi đọc cho chúng tôi chép những bài giảng đó, Thầy nhìn vào khoảng hư vô trước mặt như để tìm kiếm ngôn từ, và những câu văn cứ thế tuôn trào. Lúc đó tôi tự hỏi không biết Thầy đang ứng khẩu hay Thầy đã nhớ thuộc lòng bài giảng. Mới đây qua email tôi có hỏi Thầy về chuyện này thì được Thầy cho biết Thầy dựa vào dàn bài chi tiết đã ghi trên bảng rồi ứng khẩu thành bài luận văn cho chúng tôi chép. Tôi cất giữ quyển tập ghi những bài giảng của Thầy khá lâu, gần 20 năm, khi sang Úc phải để lại quê nhà. Sau này về tìm lại không thấy, thật đáng tiếc.



Hình 2-Giới thiệu sách “Giai Nhân Kỳ Ngộ” của Phan Châu Trinh

Rồi ba mươi năm sau

Năm 2003 thấy tên Thầy xuất hiện trên Đặc San số 4 của Hội Ái Hữu Petrus Trương Vĩnh Ký Úc châu, cùng với mẫu giới thiệu về quyển “Bút-Thuật của Nguyễn Du trong Đoạn-Trường Tân-Thanh” của Thầy (sau đây xin được gọi tắt là quyển Bút-Thuật), tôi mừng quá liền viết thư cho Thầy. Thầy gửi cho tôi một bản với lời đề tặng

Đàn ai réo-rắt trong sương

Gieo vào nhân thế “đoạn-trường tân-thanh”?

Đàn ai riu-rít yển oanh,

Cho tình xuân mãi tươi xanh muôn đời?

Vấn nét chữ bay bướm là lướt như ngày nào! Tôi đã đọc, và đọc say mê, nhớ lại những bài giảng của Thầy hơn 30 năm trước. Vẫn với cảm xúc như ngày xưa, nhưng cảm nhận của tôi bây giờ được nâng lên nhờ những hiểu biết tích lũy gần nửa đời người. Thêm vào đó, cách trình bày khoa học của quyển Bút-Thuật đã dẫn đường cho tư duy trong việc tìm hiểu bút thuật tài tình của Nguyễn Du.

Tôi không phải là một nhà phê bình văn học nên không dám lạm bàn về giá trị văn học của Bút-Thuật. Việc làm này xin để dành cho các nhà chuyên môn. Tôi chỉ là một người học toán, xin được nhìn tác phẩm này với con mắt của một người học toán.

Hương toán trong văn

Vì sao tôi có ý nghĩ viết về cái nhìn toán học của tôi khi đọc quyển Bút-Thuật? Từ xưa đến giờ nhiều người vẫn quan niệm toán và văn là hai thực thể trái ngược. Gần 40 năm trước, tôi đã ngạc nhiên khi thấy ở Thầy Vinh một giáo sư Quốc văn biết khá rành về toán. Chính Thầy là người đầu tiên đã giới thiệu với tôi tam giác Pascal, dùng để viết các khai triển $(a+b)^n$ với $n = 2, 3, 4, 5, \dots$

Còn nhớ có lần khi giảng cho chúng tôi bốn câu thơ của Nguyễn Công Trứ

*Vòng trời đất dọc ngang ngang dọc
Nợ tang bồng vay trả trả vay
Chí làm trai nam bắc đông tây
Cho phi sức vẫy vùng trong bốn bể*

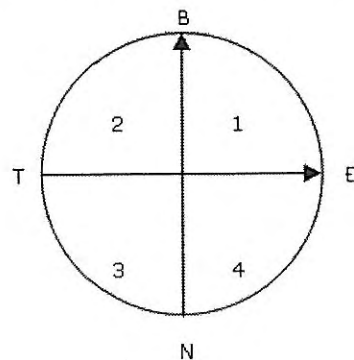
Thầy vẽ lên bảng một vòng tròn, hai trục Nam-Bắc, Đông-Tây, và đánh số 1, 2, 3, 4 (xem **Hình 3-Vòng trời đất dọc ngang ngang dọc**). Sau đó Thầy vừa đọc, vừa họa lại. Miệng đọc “vòng”, tay Thầy vẽ vòng tròn, “trời”, tay vẽ cung tròn ĐBT, “đất”, tay vẽ TND, “dọc”, tay vẽ đường BN, “ngang”, tay vẽ TĐ. Tiếp theo vừa đọc “Chí làm trai nam bắc đông tây, Cho phi sức vẫy vùng trong bốn bể”, Thầy vừa chỉ tay vào các ký hiệu NBDT và 1, 2, 3, 4, trên vòng tròn. Rồi Thầy giảng về mối tương quan nhân quả giữa hai câu 1-2 và hai câu 3-4. Vị trí và nghĩa vụ của đấng nam nhi trong trời đất, trong vũ trụ, trong xã hội được xác định trong hai câu 1-2, từ đó

quảng diễn ra giấc mộng lớn, hoài bão của Nguyễn Công Trứ, muốn lập nên nghiệp lớn giúp dân giúp nước giúp đời, như ôm cả vũ trụ vào lòng mình, sự-nghiệp kinh bang tế thế (câu 3-4). Bài giảng mở đường để giới thiệu cái chí của “Kẻ Sĩ” mà Uy Viễn Tướng Công một đời đeo đuổi:

*Khí hạo nhiên chí đại chí cương
So chính khí đã đầy trong trời đất.*

Nhờ cách giảng đặc biệt dùng hình vẽ gợi ý, hơn 30 năm sau chúng tôi vẫn còn nhớ, bạn bè gặp nhau vẫn còn nhắc “Tuốc hữu ngũ sĩ cư kỳ liệt”. Cũng nhờ bài giảng này tôi hiểu được vì sao trong toán học có hai chữ trục hoành và trục tung. Sau này khi đi dạy học, tôi học được ở người Úc câu nói “A picture is worth a thousand words”.

Sang Canada năm 1989 khi đã vào tuổi 59, Thầy trở lại đại học. Với học vị Cao Học Kinh Tế (Đại Học Luật Khoa SG) và kinh nghiệm tích lũy trong hơn nửa đời người (chức vụ sau cùng trước ngày 30/04/1975 là Giám Đốc Sài Gòn Ngân Hàng tại Nha Trang), chỉ sau một năm Thầy tốt nghiệp Cử Nhân Giáo Dục (Bachelor of Education) chuyên ngành toán và Pháp văn, cùng chứng chỉ giảng dạy ở tỉnh bang (province) Ontario (Ontario Teacher’s Certificate).



Hình 3-Vòng trời đất dọc ngang ngang dọc

Những người học toán ít ai không biết đến câu nói sau đây của nhà toán học nổi tiếng người Đức vào thế kỷ 19, Karl Weierstrass. “It is true that a mathematician who is not also something of a poet will never be a perfect mathematician” (tạm dịch là “Một nhà toán học nếu không ‘thi sĩ’ một chút thì không thể nào là một nhà toán

học vẹn toàn được”. Giáo sư Toàn Phong Nguyễn Xuân Vinh là một điển hình. Điểm lý thú ở đây là Giáo sư Đỗ Quang Vinh lại là một người viết văn mang tâm hồn toán học.

Bút-Thuật của Nguyễn-Du trong ĐTTT

Với tinh thần toán học, tác giả thường ngoạn văn chương khác với nhiều người. Ông không chỉ cảm nhận mà còn muốn biết vì sao mình có cảm nhận đó. Ngay ở lời tựa của quyển Bút-Thuật (trang 8) tác giả đã viết “*Chính văn-chương, nghệ-thuật và kỹ-thuật xây-dựng tiên-thiên làm nên giá-trị Truyện Kiều. Nhưng:*

*Rằng hay thì thực hay thay!
Làm sao phân-tích nó hay thế nào?”*

Và Ông đã viết ra thật mạch lạc sự thông hiểu của mình bằng ngôn ngữ của người quen lý luận khoa học, nhưng văn chương không kém phần bóng bẩy, du dương. Đây là cách truyền đạt cảm nhận của mình cho người khác một cách hiệu quả nhất. Như khi ta phát biểu một lý thuyết khoa học hay một định lý toán học. Người nghe có thể thích hay không thích thứ lý thuyết đó, nhưng sau khi xem phần chứng minh chặt chẽ, họ không thể không đồng ý.

Cách trình bày lập luận như một chứng minh toán học:

Khi trình bày quan điểm của mình về bút thuật của Nguyễn Du, tác giả Đỗ Quang Vinh đã dùng phương pháp mà các nhà toán học dùng để chứng minh một luận cứ. Tác giả mở đầu với phần trình bày quan điểm (trong toán học đây là phần phát biểu định lý). Rồi dùng những lý luận chặt chẽ để bênh vực cho quan điểm của mình. Cách lập luận tùy lúc, khi dùng phép so sánh (như trong đoạn tác giả so sánh cách Nguyễn Du tả tâm trạng của ba chị em Kiều trước mộ Đạm Tiên), lúc khác lại bằng cách diễn dịch (như khi lập luận về trí thông minh của Kiều). Và tác giả kết thúc chứng minh của mình bằng một đúc kết để mở ra một hướng đi sắp tới “*tóm được ý trên, mở cho ý dưới*”.

Chúng ta thử xem các tiêu đề của một trong số mười hai trích đoạn và bình phẩm của tác giả để thấy rõ tính nhất quán và phương pháp tác giả

dùng để chứng minh tài nghệ bút thuật của Nguyễn Du.

Trích đoạn 1: HAI CHỊ EM KIỀU (trang 34)

Dẫn nhập và trích thơ

- A. Hình dung tài sắc hai chị em Thúy-Kiều
 - a. Tài sắc hai chị em Thúy-Kiều
 - i. Thúy-Vân
 - ii. Thúy-Kiều
 - b. Thông-minh tài-nghệ thế ấy, có đúng chăng?
 - i. Kiều quả rất thông-minh
 - ii. Còn như về tài-nghệ
 1. Tài văn thơ
 2. Còn như những thú chơi khác như đàn, cờ rượy, vẽ
 - c. Tài-sắc ấy phản ánh tâm-lý nhân-vật
 - i. Với vẻ đẹp dịu-dàng kín đáo
 - ii. Với vẻ đẹp bộc lộ dữ-dội
- B. Bút-thuật của Nguyễn-Du
 - I. Nghệ-thuật miêu-tả
 1. dùng lối hoạt-họa để miêu-tả chân-dung
 2. mượn đường nét thiên-nhiên để tả nhan-sắc
 - II. Văn-chương óng-chuốt
 1. lời thơ giản-dị nhưng không rườm-rà kể-lẻ
 - a. Câu văn hết sức gọn-gàng
 - b. Thẳng hoặc có điển cố, thì lại đã Việt hóa, đọc lên ai cũng hiểu rồi
 2. lời thơ tuy giản-dị mà bóng-bẩy
 - III. Kỹ-thuật xây-dựng
 1. Trước hết tả chung ... Sau đó mới đi vào chi-tiết
 2. ... dụng-ý đề cao vai trò Kiều, ... đem Thúy-Vân ra so-sánh
 - IV. Cách kết-cấu
 1. Vân kém quan-trọng hơn thì tả ít, Kiều đáng chú-ý hơn thì nói nhiều.
 2. Bối cục ... chặt-chẽ phân-minh nhờ những câu chuyển mạch đặc-pháp, dẫn ý tài-tình.
- C. Kết luận

Toàn bộ mười hai trích đoạn và bình giảng trong Phần 1 của quyển Bút-Thuật đều được trình bày với hình thức trên. Hai bài tham luận ở Phần 2 cũng tương tự. Đối với một người không có thời giờ đọc toàn bộ quyển Bút-Thuật, có lẽ chỉ cần đọc những tiêu đề của từng trích đoạn như trên, người đó cũng có thể đồng tình với nhận xét của Đỗ Quang Vinh. Tuy nhiên cách trình bày khoa học đó sẽ không đủ sức thuyết phục nếu tác giả không có một phương pháp chứng minh đúng đắn. Tác giả đã dùng phương pháp thường thấy

trong các lập luận khoa học là phép phân tích và tổng hợp, cùng với phép luận lý (logic) toán học.

Phân tích và tổng hợp:

Truyện Kiều dài 3254 câu. Nếu không có một óc nhận xét tinh tế và một cảm quan khoa học để phân tích từng câu chữ hầu tìm ra các chi tiết trải dài trong toàn bộ câu chuyện, rồi tổng hợp các tình tiết lại, thật khó có thể bênh vực cho luận cứ của mình, và thuyết phục được người đọc.

Óc phân tích và tổng hợp thể hiện một cách độc đáo qua chứng minh của tác giả về sự thông minh của Kiều dưới ngòi bút Nguyễn Du. Tác giả Đỗ Quang Vinh đưa ra các luận cứ sau (trang 37–38):

1. Kiều thông minh vì biết cân nhắc hơn thiệt khi Thúc Sinh muốn đón nàng ra khỏi thanh lâu, hoặc khi nàng khuyên chàng về thăm vợ.
2. Kiều thông minh vì chỉ sau vài tháng (vài mùa trăng) sống tại Quan Âm Các nhà Hoạn Thư

*“Nâu sông từ giờ màu thuyền,
Sân thu trắng đã vài phen đứng đầu”*

nàng đã thuộc lầu kinh kệ đến nỗi sư bà Giác Duyên phải kinh ngạc

*“Kệ kinh câu cũ thuộc lòng,
Hương đàn việc cũ trai phòng quen tay”*

Điều đáng nói ở đây là hai câu trên là câu 1933–1934, còn hai câu dưới là câu 2055–2056. Dùng bốn câu thơ cách nhau hơn một trăm câu như vậy để minh chứng cho sự thông minh của Kiều phải là một người có óc phân tích và tổng hợp khoa học.

3. Kiều thông minh nên chỉ một lần diện kiến đã nhìn đúng được con người Từ Hải.
Để chứng minh ngòi bút của Nguyễn Du mô tả được hết cái tài hoa của Thúy Kiều, Đỗ Quang Vinh đã dùng các luận chứng sau đây:
4. Tài văn thơ của Kiều:
5. Đề thơ trước mã Đạm Tiên
6. Phê đề bức tranh nhà Kim Trọng
7. Phân tích tờ hoa tiên của Sở Khanh. Ở đây tác giả giúp người đọc hiểu rõ ý của Nguyễn

Du qua bốn câu (1087-1090)

Mở xem một bức tiên mai,

Rành rành “tích việt” có hai chữ đề.

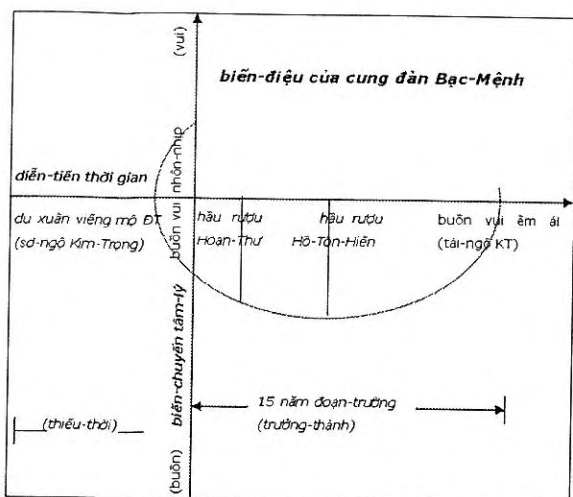
Lấy trong ý tứ mà suy:

“Ngày hai mươi mốt, tuất thì phải chăng?”

Đỗ Quang Vinh giảng giải rằng Kiều đã chiết tự hai chữ “Tích Việt” 昔 越 thành “cháp” 𠄎 “nhất” 一 “nhật” 日 “tuất” 戌 “tẩu” 走 (ngày hai mươi mốt giờ tuất thì cùng nhau chạy trốn). Thật không còn cách nào hay hơn để chứng minh sự thông minh và tài hay chữ của Thúy Kiều, và tài nghệ của Nguyễn Du khi chỉ với bốn câu thơ mà diễn đạt cả một bài toán đố.

8. Quan phủ Lâm Truy nể tài Kiều nên không những tha không xử tội mà còn đứng ra tổ chức hôn lễ cho Kiều và Thúc Sinh.
9. Ngay chính tình địch của Kiều là Hoạn Thư cũng hơn một lần khâm phục.
10. Tài đánh đàn: Đỗ Quang Vinh đã lột tả được bút pháp thần tình của Nguyễn Du bằng cách so sánh bốn lần đánh đàn của Kiều. Cũng với cung đàn Bạc Mệnh nhưng qua bốn lần đàn khác nhau (lần thứ nhất đàn cho Kim Trọng nghe, lần thứ hai cho hai vợ chồng Hoạn Thư, lần thứ ba cho Tổng Đốc Hồ Tôn Hiến, và lần thứ tư cho Kim Trọng khi tái hợp) Kiều đã thể hiện tâm trạng của mình hoàn toàn khác nhau, và đưa người nghe vào cùng tâm trạng.

Tác giả minh họa phân tích của mình bằng một biểu đồ toán học ở trang 221. Rất tiếc, vì không thông thạo cách dùng máy điện toán để vẽ hình (viết chữ theo chiều thẳng đứng từ dưới lên), các chú thích trong hình vẽ của tác giả hơi khó hiểu. Để giúp cho người đọc, trong hình vẽ dưới đây (*Hình 4-Biến điệu của cung đàn Bạc Mệnh*), người viết bài này xin được ghi lại các chú thích đó, sau khi đã tìm hiểu và tin chắc rằng mình hiểu đúng ý của tác giả.



Hình 4-Biến điệu của cung đàn Bạc Mệnh

Tuyệt bút của sự phân tích và tổng hợp của tác giả được thể hiện rõ trong bài tham luận từ trang 223 đến trang 344. Không ngại dài dòng, tôi xin ghi lại các tiêu đề ở đây; thiết nghĩ chỉ cần đọc các tiêu đề này người thưởng ngoạn cũng thấy được tài bút thuật của Nguyễn Du, và điều đó chứng minh được lối bình văn hiệu quả của Đỗ Quang Vinh. Trong trích đoạn các tiêu đề sau đây, những chữ in nghiêng là của tác giả bài viết này, nhằm chỉ rõ sự công phu và tinh tế của Đỗ Quang Vinh trong phương pháp chứng minh bút thuật của Nguyễn Du.

§ 1- Văn chương chải-chuốt

A. Lời thơ chuẩn-xác

2. Nguyễn-Du thường dùng hoa để ám-chỉ Kiều (có tất cả 4 trích dẫn)
3. ... cách-tác giả dùng từ để chỉ ngôi thứ ba ... (18 trích dẫn)
4. ... biểu-từ gợi hình, gợi cảm, tượng thanh (16 trích dẫn)

B. Lời thơ bóng-bẩy

1. Đối-ngẫu
 - a) Đối câu hay bình đối (10 trích dẫn)
 - b) Tiểu-đối (208 trích dẫn)
2. Điệp-ngữ (29 trích dẫn)
3. Cật-vấn và tán thán (7 trích dẫn)
4. Liệt-cử (9 trích dẫn)
5. Tỉ-lệ và ẩn-dụ (7 trích dẫn)
6. Nhân-cách-hóa (3 trích dẫn)
7. Hồ khời (2 trích dẫn)
8. Hoán-vị và phối-hợp (39 trích dẫn)
9. Chơi chữ (8 trích dẫn)
10. Điền-cổ (5 trích dẫn)

11. Thặng xưng (5 trích dẫn)
 12. Đào trang (3 trích dẫn)
- C. Lời thơ du-dương (dùng nốt nhạc và biểu đồ để minh họa)
- D. Lời thơ bình-dị trong sáng (35 trích dẫn)

§ 2- Nghệ-thuật điều-luyện

A. Nghệ-thuật miêu-tả

I. Tả cảnh và tả tình

1. ... nhận xét tinh tế ...
 - 1.1- Ngày lễ Thanh-Minh
 - 1.2- Kim-Trọng lân-la tìm đến trọ học gần nhà Kiều
 - 1.3- Cũng một vầng trăng, nhưng tùy nơi, tùy lúc, tùy cảnh, tùy tình, mà mỗi lần thấy mỗi khác, mỗi vẻ (13 trích dẫn)
 - 1.4- Vẫn là tả cảnh thu, song cũng tùy nơi, tùy lúc, ... (4 trích dẫn)
 - 1.5- ... cảnh phóng hỏa bất người cô thế
2. ... tuân theo những định luật tâm lý ...
 - a) Định-luật về hồi-tường
 - b) Định-luật về tiến trình suy tư

II. Tả người

1. Lối hoạt-họa
2. Lối tả chân
3. Lối hư-tả

B. Nghệ-thuật kể chuyện

- I. Tự-thuật
- II. Tự sự
- III. Đối-thoại

§ 3- Kỹ-thuật công-phu

I. Kết cấu tình tiết

1. Việc Kim Kiều trang-trọng làm lễ thề-nguyên
2. Việc Thúy Kiều gặp lại được gia-đình
3. Về giấc chiêm bao
4. Quả thực cũng có chỗ dựng chuyện cưỡng ép, vô lý

II. Cấu-trúc nhân-vật

1. ... dựng lại một sân khấu với toàn-thể bức tranh xã-hội
2. Các vai quan-trọng như Kim, Kiều, Từ Hải, Hoạn-Thư ...

Chỉ cần đếm hết các lần trích dẫn như đã nêu trên, chúng ta cũng thấy được sự công phu và tinh tế trong phân tích của Đỗ Quang Vinh. Tuy nhiên, khi tổng hợp các chi tiết đã phân tích để đưa ra một luận cứ, điều quan trọng là tính logic. Tác giả đã thể hiện được điều đó.

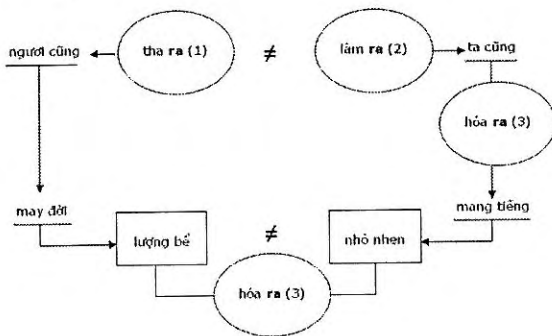
Cách lập luận logic:

Bàn bạc trong toàn quyển Bút-Thuật là những lập luận rất logic của tác giả như lập luận thường thấy trong một chứng minh toán. Nhưng điều đó không có nghĩa là người đọc phải đọc những câu văn khô khan. Ngược lại lời văn du dương như vẽ ra trước mắt người đọc khung cảnh của một “vở kịch” Kiều. Cảnh Kiều xử án Hoạn Thư là một ví dụ.

Trích đoạn thứ mười từ câu 2355 đến câu 2378, mà tác giả đặt tựa là “Nghệ-thuật của Nguyễn-Du qua vụ Thúy-Kiều xử án Hoạn-Thư”, cho thấy lối lập luận sắc bén và logic của tác giả. Theo tôi đây là đoạn bình giảng đặc sắc nhất. Phân tích hai câu

“*Tha ra thì cũng may đời,
Làm ra thì cũng ra người nhỏ nhen*”

khi Kiều tuyên bố tha tội cho Hoạn Thư, tác giả lý giải cho cái tài tình của Nguyễn Du khi dùng ba chữ “*ra*” trong hai câu thơ trên, bằng sơ đồ sau đây ở trang 185:



Chúng ta hãy chú ý cách lập luận logic của tác giả. Trong ngôn ngữ hằng ngày, mệnh đề suy dẫn “*nếu p thì q*” (ký hiệu toán học là $p \rightarrow q$) thường bị nhiều người dùng sai, đồng nhất nó với $q \rightarrow p$ (“*nếu q thì p*”). Ví dụ câu

- (1) “*Nếu đội Brazil (muốn) đoạt cúp vô địch thì họ (phải) thắng trận bán kết*” hoàn toàn không mang ý nghĩa
- (2) “*Nếu đội Brazil thắng trận bán kết thì họ (sẽ) đoạt cúp vô địch*”.

Ở đây

p = “*đội Brazil đoạt cúp vô địch*”,
 q = “*đội Brazil thắng trận bán kết*”

và câu (1) là $p \rightarrow q$ trong khi câu (2) là $q \rightarrow p$.

Dễ thấy là câu thứ hai không đúng, nhưng câu dưới đây hoàn toàn đúng

“*Nếu đội Brazil không thắng trận bán kết thì họ không (thể) đoạt cúp vô địch*”

Nói khác đi, thay vì nói $p \rightarrow q$ chúng ta có thể nói $\sim q \rightarrow \sim p$ (nếu không có q thì không có p). Toán học gọi mệnh đề $\sim q \rightarrow \sim p$ là mệnh đề *ngịch chuyển* (contrapositive) của mệnh đề $p \rightarrow q$.

Tuy nhiên nếu

q = “*đội Brazil thắng trận chung kết*”

thì cả hai mệnh đề $p \rightarrow q$ và $q \rightarrow p$ đều đúng, và trong trường hợp này ta có $p \leftrightarrow q$ (*điều kiện ắt có và đủ* để có p là phải có q).

Trở lại với lập luận của Đỗ Quang Vinh trong sơ đồ bên trên. Theo tác giả

- (1) “*Tha ra \rightarrow lượng bé*” ($p \rightarrow q$)
- (2) “*Không tha ra (làm ra) \rightarrow không lượng bé (nhỏ nhen)*” ($\sim p \rightarrow \sim q$).

Câu (2) là mệnh đề nghịch chuyển, contrapositive, của

“*Lượng bé \rightarrow tha ra*” ($q \rightarrow p$)

Vậy ở đây tác giả đã dùng lập luận rằng “*người rộng lượng sẽ tha thứ, và người tha thứ là người rộng lượng*” ($p \leftrightarrow q$) để minh họa cho bút pháp tài tình của Nguyễn Du khi dùng ba chữ “*ra*” trong hai câu thơ. Tôi chưa thấy một bài bình giảng nào dùng phương pháp như trên. Đây là một trong những điểm độc đáo trong quyển Bút-Thuật.

Với cùng một phương pháp lý luận, ở trang 152-155, tác giả họ Đỗ đã bênh vực cho ý kiến của mình là hai câu (2174-2175)

Giang hồ quen thú vẫy vùng,

Gươm **đàn** nửa gánh non sông một chèo

nên được đọc (từ chữ *Nôm*) là

Giang hồ quen thú vẫy vùng,

Gươm **giàng** nửa gánh non sông một chèo.

Đây là hai câu Nguyễn Du dùng để tả Từ Hải, và Đỗ Quang Vinh thiên về ý kiến của Lê Hữu Mục khi cho rằng “*giàng*” là tiếng cổ miền Trung có nghĩa là “*cung*”. (Tuy nhiên, các tác giả quyển

“*Truyện Kiều và Tuổi Trẻ*” vẫn giữ “gươm đàn” trong tác phẩm của mình.) Đỗ Quang Vinh đã dùng các lập luận sau đây để bác bỏ ý kiến của những học giả cho rằng hai chữ “gươm đàn” để mô tả một Từ Hải văn võ song toàn:

1. “Gươm giàng” là đúng vì:
 - Nguyễn Du người gốc miền Trung nên quen với ngôn ngữ địa phương của mình;
 - Hiểu “gươm giàng” là “kiếm cung” thì mới sát với ý hai câu thơ của Hoàng Sào mà Nguyễn Du dùng.
2. “Gươm đàn” không đúng vì:
 - Không một câu thơ nào trong suốt 3254 câu cho thấy Từ Hải có sở trường về âm nhạc;
 - Suốt thời gian chung sống Thúy Kiều chưa hề đàn cho Từ Hải nghe;
 - Người thích nhạc đàn là người có tâm hồn nghệ sĩ, nhưng không phải ai có tâm hồn nghệ sĩ đều phải biết chơi đàn. Ông phát biểu: “Nhạc khí không phải là *điều-kiện ắt có và đủ* để làm nên người có tâm-hồn nghệ-sĩ.” Ở đây một lần nữa tác giả họ Đỗ phân biệt rõ ràng $p \rightarrow q$ không đồng nghĩa với $q \rightarrow p$.

Điểm đáng chú ý ở đây là có thể cả “gươm giàng” và “gươm đàn” đều không đúng, nên tác giả đã làm một việc không thừa là vừa biện giải cho tính hợp lý của ý kiến của mình (gươm giàng), vừa hùng hồn phản bác ý kiến kia (gươm đàn). Chỉ làm một trong hai việc là không đủ, thiếu sức thuyết phục.

Logic trong cách lập luận, logic trong cách trình bày, Đỗ Quang Vinh đã thể hiện được tính khoa học của một người đi tìm vẻ đẹp của *Truyện Kiều* không chỉ bằng cảm nhận mà còn bằng tư duy sâu sắc.



Một quyển sách dày 354 trang tất nhiên không thể tránh khỏi một vài lỗi in ấn. Một điểm tôi không đồng ý là lý luận ở trang 66, khi tác giả bình giảng hai câu

*Tà tà bóng ngả về tây
Chị em thơ thẩn dang tay ra về.*

Theo tác giả, đây là điểm đặc sắc của Nguyễn Du khi muốn báo cho người đọc biết trời đã về chiều: bóng của chị em Kiều ngả về phía tây vì mặt trời sắp lặn. Theo đúng quy luật vật lý, khi mặt trời ngả về hướng tây thì một người đang đi sẽ thấy bóng của mình đổ về phía đông. Tuy nhiên, đây cũng là một ý nghĩ độc đáo của tác giả quyển *Bút-Thuật*: dùng bóng của nhân vật để diễn tả chiều thời gian. Vì vậy, tuy không đồng ý với tác giả, tôi cũng rất ngạc nhiên và hứng thú với nhận xét đáng suy gẫm này.

Để kết thúc bài viết này, xin được mượn lời của GS Đỗ Quang Vinh để ví *Truyện Kiều* “*hệt như viên kim cương long-lanh ngũ sắc*”. Nhìn viên kim cương ai cũng phải khen vẻ đẹp rực rỡ, nhưng không phải ai cũng nhận biết được chân giá trị của nó. Quyển “*Bút-Thuật của Nguyễn-Du trong Đoạn-Trường Tân-Thanh*” chính là bàn tay của người thợ kim hoàn, là công trình của một chuyên viên định chuẩn ngọc thạch, làm tôn giá trị muôn màu của viên kim cương, giúp cho nhiều thế hệ sau này thấy được giá trị vượt không gian và thời gian của *Truyện Kiều*.

Sách tham khảo:

- [1] Đỗ Quang Vinh, *Bút-Thuật của Nguyễn-Du trong Đoạn-Trường Tân-Thanh*, 2003, Toronto.
<http://www.geocities.com/doquangvinhvenguan>
<mailto:doquangvinhvenguan@yahoo.com>
- [2] Lê Hữu Mục, Phạm Thị Nhung, Đặng Quốc Cơ, *Truyện Kiều và Tuổi Trẻ*, 1998, Làng Văn, Toronto.

Trần Thạnh

Sydney ngày 15 tháng 10 năm 2009